

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẢNG BOM
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 117/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 30-9-2020.

“V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BOM – TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Phát

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đinh Ngọc Hùng

Ông Tạ Văn Đài

- Th1 ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thảo – Th1 ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Kiều Diễm – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 561/2020/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2020 về việc *“Ly hôn, tranh chấp nuôi con”*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 91/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 101/2020/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị T, sinh năm 1994

Nơi đăng ký HKTT: xóm 12, thôn L, xã Q, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

Tạm trú: tổ 23, ấp A, xã B, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

Bị đơn: Anh Nguyễn Tiến Th, sinh năm 1991

Nơi đăng ký HKTT: xóm 12, thôn L, xã Q, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

Tạm trú: thôn Tây Lạc, ấp A, xã B, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

(chị T và anh Th vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn chị Trần Thị T trình bày:

Chị và anh Nguyễn Tiến Th tự nguyện tìm hiểu nhau và đi đến kết hôn, đã được Ủy ban nhân dân xã Quỳnh Hội, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 03/5/2018.

Trong thời gian chung sống, vợ chồng Th1ờng xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi nhau, cuộc sống vợ chồng không thể kéo dài. Chị và anh Th đã ly thân một năm nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Th.

Về con chung: Chị và anh Th có một con chung là Nguyễn Thị Minh Th1, sinh ngày 21/11/2018. Ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, chị yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Chị và anh Th không có nợ chung.

Trong quá trình tố tụng tại Tòa án bị đơn anh Nguyễn Tiến Th trình bày:

Việc chung sống và kết hôn anh thừa nhận đúng như chị Trần Thị T trình bày. Quá trình chung sống giữa anh và chị T có phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, Th1ờng xuyên cãi nhau. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị T yêu cầu ly hôn anh đồng ý ly hôn với chị T.

Về con chung: Anh và chị T có một con chung là Nguyễn Thị Minh Th1, sinh ngày 21/11/2018. Ly hôn anh đồng ý với yêu cầu của chị T, giao con chung cho chị T nuôi dưỡng. Anh cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết

Nợ chung: Anh và chị T không có nợ chung.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định tư cách đương sự và việc xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận các văn bản tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định. Quyền lợi và nghĩa vụ tố tụng của các đương sự được bảo đảm.

Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị T trình bày cuộc sống vợ chồng giữa chị T và anh Th phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, Th1ờng xuyên cãi nhau. Chị T và anh Th đã sống ly thân một năm nay. Anh Th cũng thừa nhận cuộc sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng không còn nên anh đồng ý ly hôn với chị T. Do đó đủ cơ sở khẳng định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh Th đã trầm trọng, không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T.

- Về con chung: Chị T và anh Th có một con chung là Nguyễn Thị Minh Th1, sinh ngày 21/11/2018. Chị T yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng. Anh Th đồng ý với yêu cầu chị T nên đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung cho chị T nuôi

dưỡng, anh Th có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng (hai triệu đồng).

- Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết; Nợ chung: Không có.

- Án phí: Chị T và anh Th phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh Nguyễn Tiến Th hiện đang cư trú tại xã Bắc Sơn, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai nên căn cứ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

[1.2] Về thủ tục xét xử vắng mặt: Bị đơn anh Nguyễn Tiến Th đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng thủ tục quy định nhưng anh Th vẫn vắng mặt; nguyên đơn chị Trần Thị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị T và anh Th theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét về yêu cầu khởi kiện:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị T và anh Nguyễn Tiến Th kết hôn trên cơ sở tự nguyện và được Ủy ban nhân dân xã Quỳnh Hội, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 03/5/2018 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Chị Trần Thị T trình bày cuộc sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng không còn nên chị T yêu cầu được ly hôn với anh Th. Anh Th cũng xác định cuộc sống vợ chồng có mâu thuẫn và đồng ý ly hôn với chị T. Do đó đủ cơ sở khẳng định hôn nhân giữa chị T và anh Th đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T, chị T được ly hôn với anh Th.

[2.2] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Chị T và anh Th có một con chung là Nguyễn Thị Minh Th1, sinh ngày 21/11/2018. Chị T yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng (hai triệu đồng). Anh Th đồng ý với yêu cầu nuôi con và cấp dưỡng của chị T nên Hội đồng xét xử giao con chung cho chị T nuôi dưỡng, anh Th có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng (hai triệu đồng).

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T và anh Th không yêu cầu giải quyết tài sản chung. Nợ chung chị T và anh Th khai không có nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn, anh Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

[4] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai phù hợp với những nhận định trên của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, 147, 220, Điều 227, 228, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 118 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị T.

1. Chị Trần Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Tiến Th.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Minh Th1, sinh ngày 21/11/2018 cho chị Trần Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Tiến Th có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 2.000.000 đồng (hai triệu đồng)/tháng kể từ ngày tuyên án (30/9/2020) cho đến khi chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình.

Kể từ khi chị Trần Thị T có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền trên, nếu anh Nguyễn Tiến Th chậm thi hành án thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Không ai được cản trở quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung của anh Nguyễn Tiến Th.

Vì quyền lợi của con chung, các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

4. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về nợ chung: Chị T và anh Th khai không có.

6. Về án phí:

Chị Trần Thị T phải chịu số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp

theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005537 ngày 20/7/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai. Chị T đã nộp xong án phí.

Anh Nguyễn Tiên Th phải chịu số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm do có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

7. Báo cho chị T, anh Th biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án theo quy định pháp luật.

8. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- UBND xã Quỳnh Hội, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình (số ĐKKH 29 ngày 03/5/2018);
- VKSND H.Trảng Bom;
- CC.THADS h.Trảng Bom;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tấn Phát

